

## Công ty Cổ phần Bibica

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 37

# Công ty Cổ phần Bibica

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty”) hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3600363970 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKDN sau đó, với GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần 9 ngày 19 tháng 9 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Phát hành số 10/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2001.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 443, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai chi nhánh gồm Nhà máy Bibica Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và Nhà máy Bibica Hà Nội – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica tại Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Phú Chiến	Chủ tịch
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên độc lập
Ông Vũ Cường	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên

### ỦY BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban kiểm toán nội bộ (“BKT”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Ngọc Anh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2023
Ông Vũ Cường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2023
Ông Vũ Cường	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2023

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Đức Tuyển	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2023

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Hoàng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Bibica

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Quốc Hoàng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 11635520/66926284/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bibica**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Dương Lê Anthony  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2223-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>410.301.422.658</b>	<b>487.020.338.949</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>8.622.952.310</b>	<b>29.108.008.759</b>
111	1. Tiền		6.898.487.621	22.483.544.070
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.724.464.689	6.624.464.689
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>30.569.462.392</b>	<b>41.926.824.337</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	11.1	5.032.544.826	5.032.544.826
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	11.1	(1.463.082.434)	(2.105.720.489)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.2	27.000.000.000	39.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>281.828.832.232</b>	<b>349.526.280.487</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		272.602.553.018	228.827.148.742
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.189.386.429	5.219.605.251
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		11.995.620.995	126.359.258.736
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.958.728.210)	(10.879.732.242)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>53.575.556.999</b>	<b>31.828.791.426</b>
141	1. Hàng tồn kho		54.819.375.415	33.072.609.842
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.243.818.416)	(1.243.818.416)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>35.704.618.725</b>	<b>34.630.433.940</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	2.329.368.979	2.567.889.903
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	31.662.310.036	29.951.221.316
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	1.712.939.710	2.111.322.721
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.350.837.795.362</b>	<b>1.359.808.067.259</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>23.000.000</b>	<b>23.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		23.000.000	23.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>166.850.845.532</b>	<b>168.785.016.447</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	165.857.183.696	167.625.334.777
222	Nguyên giá		442.586.058.024	433.491.319.939
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(276.728.874.328)	(265.865.985.162)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	993.661.836	1.159.681.670
228	Nguyên giá		11.349.805.943	11.349.805.943
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.356.144.107)	(10.190.124.273)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.531.188.565</b>	<b>8.987.682.730</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	2.531.188.565	8.987.682.730
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.166.573.825.000</b>	<b>1.166.573.825.000</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con	11.3	1.166.573.825.000	1.166.573.825.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>14.858.936.265</b>	<b>15.438.543.082</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	12.352.415.380	13.009.013.538
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	28.3	2.506.520.885	2.429.529.544
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.761.139.218.020</b>	<b>1.846.828.406.208</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>353.749.863.280</b>	<b>552.342.160.103</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>339.931.196.215</b>	<b>538.894.013.763</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	47.716.518.107	132.386.489.897
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	136.862.462.591	362.832.296.193
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.368.225.378	11.299.254.010
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	17	126.170.930.762	1.636.303.792
320	5. Vay ngắn hạn	18	12.445.879.014	23.618.081.441
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	14.367.180.363	7.121.588.430
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>13.818.667.065</b>	<b>13.448.146.340</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	2.682.077.272	2.941.077.272
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	11.136.589.793	10.507.069.068
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.407.389.354.740</b>	<b>1.294.486.246.105</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>1.407.389.354.740</b>	<b>1.294.486.246.105</b>
411	1. Vốn cổ phần		187.526.870.000	187.526.870.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		187.526.870.000	187.526.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		485.821.358.351	485.821.358.351
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		581.629.011.445	581.629.011.445
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		152.412.114.944	39.509.006.309
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		29.863.171.559	18.023.537.990
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		122.548.943.385	21.485.468.319
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.761.139.218.020</b>	<b>1.846.828.406.208</b>



Nguyễn Thị Ái  
Người lập



Đinh Thị Thu Vân  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2023



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	231.116.331.731	211.366.021.462
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(243.722.785)	(929.406.152)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	230.872.608.946	210.436.615.310
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(219.468.938.036)	(185.803.110.034)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.403.670.910	24.633.505.276
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	124.981.285.995	6.380.274.935
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	(604.978.827) (1.180.799.331)	(565.899.141) -
25	8. Chi phí bán hàng	24	(433.499.417)	(153.884.984)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(12.946.219.331)	(16.779.407.722)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		122.400.259.330	13.514.588.364
31	11. Thu nhập khác	26	649.898.946	492.558.090
32	12. Chi phí khác	26	(80.055.404)	(7.782.943)
40	13. Lợi nhuận khác	26	569.843.542	484.775.147
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		122.970.102.872	13.999.363.511
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(498.150.828)	(2.511.907.720)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	28.3	76.991.341	(335.941.467)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		122.548.943.385	11.151.514.324

Nguyễn Thị Ái  
Người lập

Đinh Thị Thu Vân  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Hoàng  
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>122.970.102.872</b>	<b>13.999.363.511</b>
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	12.996.324.609	7.056.066.092
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(934.121.362)	383.142.929
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(264.722.297)	(1.247.518.365)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(124.826.774.362)	(4.484.688.091)
06	Chi phí lãi vay	23	1.180.799.331	-
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>11.121.608.791</b>	<b>15.706.366.076</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		186.773.411.186	(147.817.443.492)
10	Tăng hàng tồn kho		(21.746.765.573)	(240.820.533)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(195.762.031.964)	61.184.594.392
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		895.119.082	(334.584.377)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.180.799.331)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.167.643)	(5.741.034.160)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.400.242.817)	(4.286.899.494)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(22.310.868.269)</b>	<b>(81.529.821.588)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(4.605.659.529)	(18.045.095.296)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		329.330.909	-
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(27.000.000.000)	(49.961.467.720)
24	Tiền thu hồi từ cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		39.000.000.000	36.644.395.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(423.800.000)
27	Cổ tức và lãi tiền gửi nhận được		5.024.245.979	3.742.712.634
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>12.747.917.359</b>	<b>(28.043.255.382)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	18	12.445.879.014	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(23.618.081.441)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(11.172.202.427)</b>	<b>-</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(20.735.153.337)	(109.573.076.970)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		29.108.008.759	202.635.407.119
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		250.096.888	132.157.921
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	8.622.952.310	93.194.488.070



Nguyễn Thị Ái  
Người lập



Đinh Thị Thu Vân  
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty”) hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3600363970 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Phát hành số 10/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2001.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 443, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai chi nhánh gồm Nhà máy Bibica Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Nhà máy Biên Hòa”) và Nhà máy Bibica Hà Nội – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica tại Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 482 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 503).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.3. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền và hàng hóa

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được trích hao mòn nếu có thời gian sử dụng là lâu dài.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 12 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	4 - 7 năm

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản đã được hoàn thành và đưa vào hoạt động.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ sản xuất được dùng trong nhiều năm với giá trị lớn và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Doanh thu cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	2.232.275	14.572.498
Tiền gửi ngân hàng	6.896.255.346	22.468.971.572
Các khoản tương đương tiền (*)	1.724.464.689	6.624.464.689
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.622.952.310</b>	<b>29.108.008.759</b>

(\*) Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi dao động từ 4,6% tới 5,1%/năm.

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)</b>	<b>272.602.553.018</b>	<b>228.827.148.742</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>		
<i>Công ty Cổ phần Nam Dược</i>	242.718.481.608	190.925.668.511
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại</i>	3.128.710.462	3.470.442.988
<i>Tổng hợp Wincommerce - Chi nhánh Hà Nội</i>	155.605.045	2.209.605.771
<i>Các bên khác</i>	26.599.755.903	32.221.431.472
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>7.189.386.429</b>	<b>5.219.605.251</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tanis Confectionery B.V</i>	3.856.335.209	-
<i>Công ty TNHH Alpha Box</i>	-	4.270.059.673
<i>Các bên khác</i>	3.333.051.220	949.545.578
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>11.995.620.995</b>	<b>126.359.258.736</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	-	109.454.033.326
<i>Ký quỹ</i>	5.095.420.000	5.095.420.000
<i>Thu nhập lãi tiền gửi</i>	2.718.819.317	5.245.621.843
<i>Phạt chậm nộp đang chờ xử lý</i>	936.911.745	936.911.745
<i>Phải thu khác</i>	3.244.469.933	5.627.271.822
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(9.958.728.210)</b>	<b>(10.879.732.242)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>281.828.832.232</b>	<b>349.526.280.487</b>

(\*) Một phần các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.427.762.381	(1.237.599.416)	20.880.322.932	(1.237.599.416)
Thành phẩm, hàng hóa	25.836.195.573	-	10.334.229.377	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.325.243.793	-	674.722.092	-
Công cụ, dụng cụ	1.230.173.668	(6.219.000)	1.183.335.441	(6.219.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>54.819.375.415</u></b>	<b><u>(1.243.818.416)</u></b>	<b><u>33.072.609.842</u></b>	<b><u>(1.243.818.416)</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>1.243.818.416</u>	<u>1.278.453.937</u>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.329.368.979</b>	<b>2.567.889.903</b>
Công cụ, dụng cụ	1.484.037.843	2.484.367.694
Khác	845.331.136	83.522.209
<b>Dài hạn</b>	<b>12.352.415.380</b>	<b>13.009.013.538</b>
Công cụ, dụng cụ	9.852.503.246	10.347.890.480
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	2.393.655.662	2.487.638.289
Khác	106.256.472	173.484.769
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.681.784.359</u></b>	<b><u>15.576.903.441</u></b>

## Công ty Cổ phần Bibica

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	69.882.212.427	341.348.591.517	12.130.198.692	9.946.622.144	183.695.159	433.491.319.939
Mua mới	-	3.481.236.937	1.124.422.592	-	-	4.605.659.529
Đầu tư XDCB hoàn thành	223.868.108	6.232.626.057	-	-	-	6.456.494.165
Thanh lý	-	(814.938.209)	(1.152.477.400)	-	-	(1.967.415.609)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	70.106.080.535	350.247.516.302	12.102.143.884	9.946.622.144	183.695.159	442.586.058.024
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	19.574.100.833	135.182.634.022	5.705.427.900	8.526.872.864	183.695.159	169.172.730.778
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	56.621.010.504	189.885.820.338	9.823.189.167	9.352.269.994	183.695.159	265.865.985.162
Khấu hao trong kỳ	1.591.949.737	10.780.520.438	373.567.738	84.266.862	-	12.830.304.775
Thanh lý	-	(814.938.209)	(1.152.477.400)	-	-	(1.967.415.609)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	58.212.960.241	199.851.402.567	9.044.279.505	9.436.536.856	183.695.159	276.728.874.328
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	13.261.201.923	151.462.771.179	2.307.009.525	594.352.150	-	167.625.334.777
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	11.893.120.294	150.396.113.735	3.057.864.379	510.085.288	-	165.857.183.696

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>256.080.000</u>	<u>11.093.725.943</u>	<u>11.349.805.943</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	3.644.336.785	3.644.336.785
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	10.190.124.273	10.190.124.273
Hao mòn trong kỳ	-	<u>166.019.834</u>	<u>166.019.834</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	<u>10.356.144.107</u>	<u>10.356.144.107</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>256.080.000</u>	<u>903.601.670</u>	<u>1.159.681.670</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>256.080.000</u>	<u>737.581.836</u>	<u>993.661.836</u>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Các máy móc và thiết bị đang được lắp đặt	<u>2.531.188.565</u>	<u>8.987.682.730</u>

## Công ty Cổ phần Bibica

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### 11.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023				Ngày 31 tháng 12 năm 2022				VND
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đồ Thành	90.771	2.305.557.332	(962.146.532)	1.343.410.800	90.771	2.305.557.332	(1.189.074.032)	1.116.483.300	
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	44.424	975.259.755	-	975.259.755	44.424	975.259.755	(264.475.755)	710.784.000	
Công ty Cổ phần Hóa An	15.750	684.881.000	(17.868.500)	667.012.500	15.750	684.881.000	(548.373.801)	136.507.199	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	82.760	901.759.001	(482.993.401)	418.765.600	82.760	901.759.001	(103.706.000)	798.053.001	
Các khoản đầu tư khác	14.130	165.087.738	(74.001)	165.013.737	14.130	165.087.738	(90.901)	164.996.837	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>247.835</b>	<b>5.032.544.826</b>	<b>(1.463.082.434)</b>	<b>3.569.462.392</b>	<b>247.835</b>	<b>5.032.544.826</b>	<b>(2.105.720.489)</b>	<b>2.926.824.337</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**11.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi từ 5,5% đến 9,5%/năm.

**11.3 Đầu tư vào công ty con**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm PAN (1)	300.000.000.000	100	300.000.000.000	100
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng Pan (2)	216.573.825.000	100	216.573.825.000	100
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (3)	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây (4)	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100
Công ty TNHH MTV Bibica Biên Hòa (5)	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100
Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội (6)	50.000.000.000	100	50.000.000.000	100
Công ty TNHH Bibica Miền Bắc (7) (*)	-	100	-	100
	<b>1.166.573.825.000</b>		<b>1.166.573.825.000</b>	

(1) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm PAN ("Pan FM") hiện là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1101823562 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 15 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Pan FM là thực hiện sản xuất, chế biến, mua bán bánh kẹo, thức uống có cồn, sữa đậu nành, nước giải khát, các sản phẩm từ thịt, hải sản, các sản phẩm nông nghiệp khác và kinh doanh bất động sản. Trụ sở đăng ký của Pan FM được đặt tại Lô A1/1-9, Đường VL3, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**11.3 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

- (2) Công ty Cổ phần Phân phối hàng tiêu dùng Pan ("Pan CG") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1101912597 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp vào ngày 27 tháng 3 năm 2019. Pan CG có trụ sở đăng ký tại Lô A1/1-9, Đường VL3, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động đăng ký chính của Pan CG là thực hiện mua bán bánh kẹo, thức uống có cồn, sữa đậu nành, nước giải khát, các sản phẩm từ thịt, hải sản và các sản phẩm nông nghiệp khác.
- (3) Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông ("Bibica Miền Đông") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4604000132 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 21 tháng 9 năm 2007 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Bibica Miền Đông là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký và nhà máy của Bibica Miền Đông được đặt tại Lô J1-CN, Đường D1, Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- (4) Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây ("Bibica Miền Tây") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101883032 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2018. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Bibica Miền Tây là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký và nhà máy của Bibica Miền Tây được đặt tại Lô A1/1-3, Đường VL4, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Phường Long Hiệp, Thị xã Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.
- (5) Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa ("Bibica Biên Hòa") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3603651582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21 tháng 6 năm 2019. Hoạt động đăng ký của Bibica Biên Hòa là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký của Bibica Biên Hòa được đặt tại Số 8, Khu Công nghiệp Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bibica Biên Hòa đang trong giai đoạn trước hoạt động.
- (6) Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội ("Bibica Hà Nội") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0108090231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 12 năm 2017. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Bibica Hà Nội là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký và nhà máy của Bibica Hà Nội được đặt tại Số B18, Đường Công nghiệp 06, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**11.3 Đầu tư vào công ty con** (tiếp theo)

(7) Công ty TNHH Bibica Miền Bắc ("Bibica Miền Bắc") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0900276875 do Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp Hưng Yên cấp ngày 14 tháng 12 năm 2015. Hoạt động đăng ký của Bibica Miền Bắc là sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát. Trụ sở đăng ký của Bibica Miền Bắc được đặt tại Đường số 206, Khu B, Khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Bibica Miền Bắc đã ngừng hoạt động.

(\*) Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào công ty con này (*Thuyết minh số 30*).

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả cho các bên khác	47.716.518.107	62.675.595.881
<i>Công ty Cổ phần S.I.M. VN</i>	5.819.610.500	5.925.077.545
<i>Công ty TNHH Tapioca Việt Nam</i>	5.755.200.000	501.120.000
<i>Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thành Phú</i>	5.644.229.263	7.146.784.897
<i>Công ty Cổ phần Thành Thành Công –     Biên Hòa</i>	5.374.687.500	9.899.662.500
<i>Các công ty khác</i>	25.122.790.844	39.202.950.939
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	-	69.710.894.016
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.716.518.107</u></b>	<b><u>132.386.489.897</u></b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên liên quan trả tiền trước ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	132.633.438.305	359.044.000.000
Các đối tượng khác trả tiền trước	4.229.024.286	3.788.296.193
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>136.862.462.591</u></b>	<b><u>362.832.296.193</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	(29.951.221.316)	21.684.136.472	(23.395.225.192)	(31.662.310.036)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.707.302.313)	498.150.828	(11.167.643)	(1.220.319.128)
Thuế thu nhập cá nhân	(404.020.408)	793.650.315	(882.250.489)	(492.620.582)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(32.062.544.037)</u></b>	<b><u>22.975.937.615</u></b>	<b><u>(24.288.643.324)</u></b>	<b><u>(33.375.249.746)</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế GTGT được khấu trừ	(29.951.221.316)			(31.662.310.036)
Thuế nộp thừa	(2.111.322.721)			(1.712.939.710)

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Lương và thưởng nhân viên	1.211.707.599	7.201.552.077
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	866.807.774	1.457.881.421
Chi phí hoa hồng	178.882.181	1.592.113.318
Chi phí vận chuyển	-	167.271.333
Khác	110.827.824	880.435.861
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.368.225.378</u></b>	<b><u>11.299.254.010</u></b>

**16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	7.121.588.430	12.168.286.140
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 20.1)	9.645.834.750	1.120.014.131
Sử dụng quỹ	(2.400.242.817)	(4.286.899.494)
Số cuối kỳ	<b><u>14.367.180.363</u></b>	<b><u>9.001.400.777</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>126.170.930.762</b>	<b>1.636.303.792</b>
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	124.586.951.437	-
Khác	1.583.979.325	1.636.303.792
<b>Dài hạn</b>	<b>2.682.077.272</b>	<b>2.941.077.272</b>
Khác	2.682.077.272	2.941.077.272
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>128.853.008.034</u></b>	<b><u>4.577.381.064</u></b>

**18. VAY NGẮN HẠN**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	<u>23.618.081.441</u>	<u>12.445.879.014</u>	<u>(23.618.081.441)</u>	<u>12.445.879.014</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	<u>12.445.879.014</u>	Ngày 25 tháng 8 năm 2023	8,5%	Các khoản phải thu với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 43.000.000.000 VND

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho nhân viên.

## Công ty Cổ phần Bibica

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	154.207.820.000	302.576.583.351	579.101.429.954	40.423.820.612	1.076.309.653.917
Tăng vốn	33.319.050.000	183.244.775.000	-	-	216.563.825.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	11.151.514.324	11.151.514.324
Phân phối quỹ	-	-	2.527.581.491	(2.527.581.491)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.120.014.131)	(1.120.014.131)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	187.526.870.000	485.821.358.351	581.629.011.445	47.927.739.314	1.302.904.979.110
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	187.526.870.000	485.821.358.351	581.629.011.445	39.509.006.309	1.294.486.246.105
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	122.548.943.385	122.548.943.385
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(9.645.834.750)	(9.645.834.750)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	187.526.870.000	485.821.358.351	581.629.011.445	152.412.114.944	1.407.389.354.740

(\*) Việc phân phối các quỹ này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Vốn đầu tư đã góp của các chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	187.526.870.000	154.207.820.000
Tăng vốn	-	33.319.050.000
Số cuối kỳ	<u>187.526.870.000</u>	<u>187.526.870.000</u>
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6</b>		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông (*)	37.505.374.000	18.752.687.000

(\*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 4 năm 2023, vào ngày 25 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền cho các cổ đông với tỷ lệ chi trả cổ tức là 20% mệnh giá, tương đương 2000 VND/ cổ phần.

**20.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Số cổ phiếu Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	18.752.687	18.752.687
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	18.752.687	18.752.687
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	18.752.687	18.752.687

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>231.116.331.731</b>	<b>211.366.021.462</b>
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán hàng	219.062.020.473	211.366.021.462
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.054.311.258	-
Giảm giá hàng bán	(243.722.785)	(929.406.152)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>230.872.608.946</b>	<b>210.436.615.310</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần từ bán hàng	218.818.297.688	210.436.615.310
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	12.054.311.258	-
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	199.398.691.024	165.919.109.451
Doanh thu đối với bên liên quan	31.473.917.922	44.517.505.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU (tiếp theo)**

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Cổ tức được chia	122.090.115.100	78.759.000
Lãi tiền gửi	2.407.328.353	4.405.929.091
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	264.722.297	1.247.518.365
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	219.120.245	648.068.479
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>124.981.285.995</b>	<b>6.380.274.935</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	207.414.626.778	185.803.110.034
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.054.311.258	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>219.468.938.036</b>	<b>185.803.110.034</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Chi phí lãi vay	1.180.799.331	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	66.817.551 (642.638.055)	9.263.140 556.636.001
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>604.978.827</b>	<b>565.899.141</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	385.171.962	153.884.984
Chi phí khấu hao	48.327.455	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>433.499.417</b>	<b>153.884.984</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
		VND
Chi phí nhân viên	9.411.507.311	10.004.804.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.822.072.067	3.467.867.003
Chi phí khấu hao	1.359.763.974	1.581.643.354
Chi phí khác	352.875.979	1.725.093.350
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.946.219.331</u></b>	<b><u>16.779.407.722</u></b>

**26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
		VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>649.898.946</b>	<b>492.558.090</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	329.330.909	-
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	308.071.468	393.793.316
Khác	12.496.569	98.764.774
<b>Chi phí khác</b>	<b>80.055.404</b>	<b>7.782.943</b>
Khác	80.055.404	7.782.943
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>569.843.542</u></b>	<b><u>484.775.147</u></b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
		VND
Nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	108.897.263.901	93.228.777.106
Chi phí nhân viên	65.344.218.259	60.841.746.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.368.641.112	30.137.990.905
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	12.996.324.609	7.056.066.092
Khác	25.308.394.694	12.166.128.221
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>244.914.842.575</u></b>	<b><u>203.430.708.401</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	498.150.828	2.511.907.720
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(76.991.341)</u>	<u>335.941.467</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>421.159.487</u></b>	<b><u>2.847.849.187</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>122.970.102.872</u></b>	<b><u>13.999.363.511</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	24.594.020.574	2.799.872.702
<b>Các khoản điều chỉnh:</b>		
Lợi nhuận, cổ tức nhận được	(24.418.023.020)	(15.751.800)
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành trực tiếp	212.000.000	36.000.000
Chi phí không được trừ	<u>33.161.933</u>	<u>27.728.285</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>421.159.487</u></b>	<b><u>2.847.849.187</u></b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Trợ cấp thôi việc	2.227.317.959	2.101.413.814	125.904.145	(34.698.615)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	264.525.319	264.525.319	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	14.677.607	63.590.411	(48.912.804)	(301.242.852)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.506.520.885</b>	<b>2.429.529.544</b>	<b>76.991.341</b>	<b>(335.941.467)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bibica Miền Đông	Bán hàng hóa	-	523.986.251
	Lợi nhuận được chia	122.000.000.000	-
Bibica Miền Tây	Mua hàng hóa	7.246.297.564	267.684.472
	Bán hàng hóa	3.676.837.859	1.585.300.844
	Bán dịch vụ	412.405.082	-
	Chi hộ	58.200.292	-
Bibica Hà Nội	Bán hàng hóa	6.973.980.120	1.366.706.916
	Mua hàng hóa	1.060.453.900	183.251.674
PAN CG	Bán hàng hóa	176.693.561.787	161.753.276.569
	Mua hàng hóa	22.282.844.319	4.965.548.730
	Phí quản lý	11.641.906.176	-
	Bán dịch vụ	905.607.270	-
PAN FM	Bán hàng hóa	-	682.309.921
PAN Group	Mua hàng hóa	-	37.800.000
PAN Food	Bán hàng hóa	-	7.528.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		<i>VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>			
Bibica Miền Tây	Bán tài sản cố định và chi trả hộ	204.576.380.016	190.924.631.711
Bibica Hà Nội	Bán hàng hóa	38.142.101.592	-
PAN Food	Bán hàng hóa	-	1.036.800
		<u><b>242.718.481.608</b></u>	<u><b>190.925.668.511</b></u>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>			
PAN FM	Cho vay	-	<u>36.644.395.000</u>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>			
Bibica Biên Hòa	Chi hộ	-	58.130.062.684
Bibica Miền Bắc	Phải thu lợi nhuận được chia	-	<u>51.323.970.642</u>
		<u>-</u>	<u><b>109.454.033.326</b></u>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>			
Bibica Miền Đông	Mua hàng hóa	-	65.206.422.126
Bibica Hà Nội	Mua hàng hóa	-	4.469.271.890
PAN FM	Mua nguyên vật liệu	-	<u>35.200.000</u>
		<u>-</u>	<u><b>69.710.894.016</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				VND
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Bibica Biên Hòa	Đặt cọc mua tài sản	88.977.403.036	200.000.000.000	
PAN CG	Bán hàng hóa	43.656.035.269	-	
Bibica Miền Đông	Bán hàng hóa	-	159.044.000.000	
		<u><b>132.633.438.305</b></u>	<u><b>359.044.000.000</b></u>	
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Bibica Miền Đông	Thu hộ	<u>124.586.951.437</u>	-	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ủy Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản Trị ("BKT") và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

				VND
Tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	
Ông Trương Phú Chiến	Chủ tịch HĐQT	700.000.000	1.125.111.111	
Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Tổng Giám đốc	838.792.131	693.471.555	
Ông Nguyễn Trọng Kha	Phó Tổng Giám đốc	436.420.816	488.323.739	
Ông Trần Đức Tuyển	Phó Tổng Giám đốc	433.120.422	433.066.045	
Ông Phan Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc	369.996.541	348.921.121	
Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh	Phó Tổng Giám đốc	179.315.928	-	
Ông Vũ Cường	Trưởng BKT	90.000.000	90.000.000	
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên BKT	90.000.000	90.000.000	
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT	90.000.000	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u><b>3.227.645.838</b></u>	<u><b>3.268.893.571</b></u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	314.705.392	314.705.392
Từ 1 đến 5 năm	1.258.821.568	1.258.821.568
Trên 5 năm	7.290.674.915	7.448.027.611
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.864.201.875</b>	<b>9.021.554.571</b>

***Cam kết góp vốn***

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty có khoản cam kết trị giá 200.000.000.000 VND liên quan tới việc góp vốn vào công ty con.

**31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đô la Mỹ (USD)	201.094	569.818
Euro (EUR)	3.681	3.695

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngoài sự kiện được nêu ở Thuyết minh số 20.2, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Ái  
Người lập



Đinh Thị Thu Vân  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2023